

Số: 1416/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024
thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững
(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về việc Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 về việc phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 -2025 tại địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi, nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 851/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh; số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2575/SKHĐT-KGVX ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh là 150,080 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương 135,537 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh đối ứng 14,543 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị đầu mối giao kế hoạch, các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai quản lý và tổ chức thực hiện, phân bổ vốn đầu tư công cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và các xã đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. UBND các huyện: Sơn Tây, Trà Bồng, Lý Sơn chịu trách nhiệm:

a) Khẩn trương trình HĐND cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh; trên cơ sở đó, thực hiện giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của địa phương đảm bảo theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

b) Thực hiện bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương. Lồng ghép các nguồn vốn và thực hiện các giải pháp huy động các nguồn lực khác tại địa

phương để thực hiện Chương trình theo quy định của Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh.

c) Tập trung chỉ đạo các xã và các phòng ban liên quan đẩy nhanh quy trình, thủ tục, tiến độ thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tổ chức thi công và thanh toán theo kế hoạch vốn được giao, không gây nợ đọng xây dựng cơ bản; đôn đốc giải ngân, không làm mất vốn được giao trong kế hoạch. Đến thời hạn giải ngân theo quy định của Trung ương, nếu dự án nào không giải ngân hết kế hoạch vốn, bị cắt vốn thì đơn vị, địa phương đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

d) Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo quy định.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các huyện lập kế hoạch thực hiện Chương trình, lựa chọn công trình thuộc dự án, tiểu dự án đúng mục tiêu, đối tượng.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện được giao kế hoạch đầu tư công.

5. Sở Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo nguồn vốn thanh toán; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện quyết toán công trình hoàn thành theo quy định hiện hành.

6. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi quản lý, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành và kế hoạch vốn được UBND tỉnh giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Lý Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi;
- Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin675}.



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Nguồn vốn Ngân sách đứng ương và ngân sách tỉnh đối ứng

(Kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | Kế hoạch vốn năm 2024 | | Ghi chú | |
|------------|---|---------|-----------|---------|---------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|-------------------------|
| | | | NSTW | NS tỉnh | | NSTW | NS tỉnh | NSTW | NS tỉnh | | |
| | TỔNG SỐ | 568.313 | 512.206 | 56.107 | 315.835 | 284.852 | 30.983 | 150.080 | 135.537 | 14.543 | |
| 1 | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 455.926 | 414.478 | 41.448 | 258.373 | 234.885 | 23.488 | 127.356 | 115.778 | 11.578 | |
| * | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 455.926 | 414.478 | 41.448 | 258.373 | 234.885 | 23.488 | 127.356 | 115.778 | 11.578 | |
| | <i>Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</i> | 406.426 | 369.478 | 36.948 | 228.673 | 207.885 | 20.788 | 117.456 | 106.778 | 10.678 | |
| - | Huyện Sơn Tây | 192.128 | 174.662 | 17.466 | 108.100 | 98.273 | 9.827 | 55.524 | 50.477 | 5.048 | |
| - | Huyện Trà Bồng | 214.298 | 194.816 | 19.482 | 120.573 | 109.612 | 10.961 | 61.931 | 56.301 | 5.630 | |
| | <i>Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (xã DBKK)</i> | 49.500 | 45.000 | 4.500 | 29.700 | 27.000 | 2.700 | 9.900 | 9.000 | 900 | |
| - | Huyện Lý Sơn | 49.500 | 45.000 | 4.500 | 29.700 | 27.000 | 2.700 | 9.900 | 9.000 | 900 | |
| 2 | Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở | 112.387 | 97.728 | 14.659 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 22.724 | 19.759 | 2.965 | |
| 2.1 | Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 17.000 | 14.782 | 2.218 | |
| - | <i>BQL Dự án DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp</i> | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 17.000 | 14.782 | 2.218 | Chi tiết theo phụ lục 2 |
| 2.2 | Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững | 17.440 | 15.165 | 2.275 | 0 | 0 | 0 | 5.724 | 4.977 | 747 | |
| - | <i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i> | 17.440 | 15.165 | 2.275 | 0 | 0 | 0 | 5.724 | 4.977 | 747 | Chi tiết theo phụ lục 2 |

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH NỘN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO CỦA BAN QUẢN LÝ VÀ GIÁM ĐỐC GIA GIÀM NGHIỆP BẾN VĨNG

Đơn vị: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh)

Đvc: Triệu đồng

| ST T | Tên dự án | Đầu mối giao kế hoạch/chủ đầu tư | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | Số vốn | NS tỉnh | Tổng vốn | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2023 | | | Kế hoạch vốn năm 2024 | | | Ghi chú |
|------------|--|---|---------------------------------|-----------------|--|---------|---------|----------|--|---------|----------|-------------------------------------|----------|----------|-----------------------|---------|----------|---|
| | | | | | | | | | Trong đó NSTW | NS tỉnh | Tổng vốn | Trong đó NSTW | NS tỉnh | Tổng vốn | Trong đó NSTW | NS tỉnh | Tổng vốn | |
| | TỔNG SỐ | | | | | 101.945 | 88.511 | 13.434 | 112.387 | 97.728 | 14.659 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 22.724 | 19.759 | 2.965 | |
| I | Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp; việc làm và nhà ở | | | | | 101.945 | 88.511 | 13.434 | 112.387 | 97.728 | 14.659 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 22.724 | 19.759 | 2.965 | |
| I.1 | Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | | | | | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 17.000 | 14.782 | 2.218 | |
| * | Công trình chuyển tiếp sang năm 2024 | | | | | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 94.947 | 82.563 | 12.384 | 57.462 | 49.967 | 7.495 | 17.000 | 14.782 | 2.218 | |
| | Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (Giai đoạn 2) | Ban Quản lý ETXD các công trình dân dụng và CN tỉnh | Tp. Quảng Ngãi | 2022-2025 | Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 | 55.386 | 48.162 | 7.224 | 55.386 | 48.162 | 7.224 | 24.541 | 21.340,5 | 3.200,5 | 15.000 | 13.043 | 1.957 | |
| | Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm | Ban Quản lý ETXD các công trình dân dụng và CN tỉnh | Tp. Quảng Ngãi | 2022-2024 | Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 | 39.561 | 34.401 | 5.160 | 39.561 | 34.401 | 5.160 | 32.921 | 28.626,5 | 4.294,5 | 2.000 | 1.739 | 261 | |
| I.2 | Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững | | | | | 6.998 | 5.948 | 1.050 | 17.440 | 15.165 | 2.275 | - | - | - | 5.724 | 4.977 | 747 | |
| * | Công trình khởi công mới năm 2024 | | | | | 6.998 | 5.948 | 1.050 | 17.440 | 15.165 | 2.275 | - | - | - | 5.724 | 4.977 | 747 | |
| # | Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh | Sở Lao động-Thương binh và Xã hội | Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh | 2024-2025 | Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 | 6.998 | 5.948 | 1.050 | 17.440 | 15.165 | 2.275 | - | - | - | 5.724 | 4.977 | 747 | Dự kiến trình HĐND điều chỉnh kế hoạch trung hạn trong năm 2024 |

